



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____
LOI#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

11296/90 DC1

11298/90 DC1

#0 25

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM LUU MINH ANH
Last Middle First

Current Address: 436/31 CMT8, Q3, HCM CITY, VIETNAM

Date of Birth: OCTOBER 10 - 1949 Place of Birth: GIA DINH, VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) Second Lieutenant (2nd LT), PLATOON COMMANDER
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 27 JUNE 75 To 30 APRIL 1978
Years: 2 Months: 10 Days: 3

SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 10 SEPTEMBER 1991

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LUU MINH - ANH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1- NGUYEN THI TY	FEB 22 - 1953	WIFE
2 LUU NGUYEN MINH TRI	JULY 13 - 1982	SON
3 LUU NGUYEN MINH TRAN	JUNE 17 - 1983	DAUGHTER
4- LUU NGUYEN MINH TRUNG	MARCH 16 - 1987	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Attached my personal copies of document.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

LOI#: _____

I-171#: _____ Y NC

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

11296/90 DC1

11298/90 DC4

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM LUU MINH ANH
Last Middle First

Current Address: 436/31 CMT8, Q3, HCM CITY, VIETNAM

Date of Birth: OCTOBER 10 - 1949 Place of Birth: GIA DINH, VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) Second Lieutenant (2nd LT), PLATOON COMMANDER
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 27 JUNE 75 To 30 APRIL 1978
Years: 2 Months: 10 Days: 3

SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 10 SEPTEMBER 1991

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LUU MINH ANH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGUYEN THI THI	FEB. 22 - 1953	WIFE
2. LUU NGUYEN MINH TRI	JULY 13 - 1982	SON
3. LUU NGUYEN MINH TRAN	JUNE 17 - 1983	DAUGHTER
4. LUU NGUYEN MINH TRUNG	MARCH 16 - 1987	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

Attached my personal copies of document.

TU LỆNH QUÂN KHU 7
PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ
Số : 225/TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
/)/gày 04 tháng 7 năm 1990

177 TÊN: KHOA PHONG

Anh : LƯU MINH ANH Sinh năm : 1949
Đi lính : 12/1967 Số quân : 69/142.397
Đã cấp bậc : thiếu úy . Chức vụ: Trung đội trưởng vận tải .
Hiện nay ở: Tổ 7 ấp 6 xã Lộc Thái - Lộc Ninh - Sông Bé .
Là sĩ quan chế độ củ có ra trình diện học tập cải tạo tập trung
Ngày 27/6/1975 và được thả về ngày 30/4/1978 .
Được quyết định số 131/49 ký ngày 27/12/1977 của trưởng
Bộ Công Chiếm Bộ Nội Vụ đã ký và thuộc quyền quản lý của chính
quyền địa phương nơi cư ngụ . Quan chế 06 tháng .

Khoá Khoa
CA và Tổ Chức Kê nhận
AS từ nước từ 8/1/1949.
Có làm Bản Sao Kê nhận
y như Bản chính là đúng

PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Địa chỉ: *Đã được* Trung tá: *Nguyễn Minh Hiếu*

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 112296/90ĐC₁

Họ và tên Full name

LƯU MINH ANH

Ngày sinh Date of birth

1969

Nơi sinh Place of birth

Tp. Hồ Chí Minh

Chỗ ở Domicile

Long Be

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

21. 11. 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 21 tháng 11 năm 1990
Issued at on

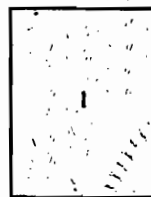
CỤC QUẢN LÝ VÀT NHẬP CẢNH

Phòng phòng



Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

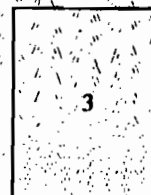
Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

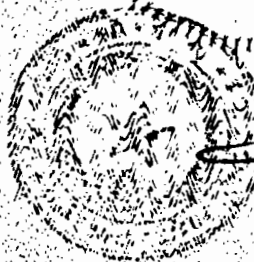


THỰC THỰC XUẤT CẢNH

Số 112246 XCCấp cho Lưu Minh AnhCung cấp 1 lầnĐến ngày: 21 tháng 5 năm 1991Của gia đình: Trần Văn MinhTrước ngày: 21 tháng 4 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Trần Văn MinhTrần Văn Minh

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 112298/92ĐC,

Họ và tên Full name

NGUYỄN THỊ TỶ

Ngày sinh Date of birth

1953.

Nơi sinh Place of birth

Sông Bé

Chỗ ở Domicile

Sông Bé

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

21. 11. 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 21 tháng 11 năm 1990
Issued at on

SỞ QUẢN LÝ HẢI QUAN VÀ CHẾ NHẬP

Phòng Cảnh sát



Trần Văn

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU

CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name
Luu Nguyễn Minh Trí

Ngày sinh Date of birth

1982

Nơi sinh Place of birth

Lộc Ninh



Họ và tên Full name

Luu Nguyễn Minh Trân

Ngày sinh Date of birth

1983

Nơi sinh Place of birth

Tống Bè



Họ và tên Full name

Luu Nguyễn Minh Trung

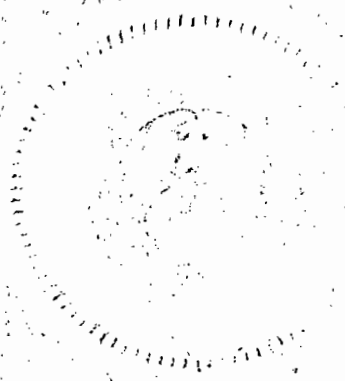
Ngày sinh Date of birth

1987

Nơi sinh Place of birth

Lộc Ninh

DỊ CHỮ — REMARKS



THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 112298.XCGấp cho Nguyễn Thị TýCung với Cá nhânĐến nước Tiền chủng quốc Hoa KỳQua cửa khẩu Tà Lán Sơn A KhutTrước ngày 21.5.1991Hà Nội ngày 21 tháng 11 năm 1990.

CỤC QUẢN LÝ VÀT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

*Trưởng phòng*

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 225 /XC

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi: Ông Lưu Vĩnh Đức
Hiện ở: Kh. Lữ Thuận, Lữ Nhì, P. B. 1

1/ Chúng tôi đồng ý cho ông cùng 24 người trong gia đình được
phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu: chúng tôi đã cấp 02 hộ chiếu cho gia đình, số:

112296
112298 / 20.01. (quân K. em Đức)

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H.2.5 chuyển Bộ Ngoại giao đề
chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt
nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo đề ông yên tâm./.

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 1992.

TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Triệu Tiến

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN-CƯỚC

Số

Họ Tên

NGUYỄN-THỊ-TY



Ngày, nơi sinh 22.02.1953

Lộc-Ninh

Cha

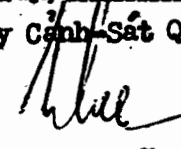
Nguyễn-Văn-Nội

Mẹ

Phạm-Thị-Cát

Địa chỉ

Lộc-Ninh, Bình-Long

Dấu vết riêng: Nốt ruồi cách OI trên khoe miệng phải.-		Cao: 1 th 51 T
Chữ ký đương sự:		Nặng: 45 Kg
Bình-Long, ngày 28.01.1969		Nghón trỏ mặt 
Trưởng-Ty Cảnh-Sát QG, 		Nghón trỏ trái 
Bùi-Trọng-Nghĩa		

BẰNG LÁI XE số **DQS09242**

1. Họ và Tên: **LƯU MINH ANH**

2.

3. Ngày sinh: **10.10.1949**

Nơi sinh: **Gia Định**

4. Địa chỉ: **436/31 Lê Văn Duyệt Saigon**

Quốc tịch: **VN** **Pha Nam**

Chữ ký đương-sự



Cơ hiệu lực đến:

23.03.80

ANH VÀ

Gia hạn đến:

50

KE - HOACH

SAIGON

QUA KHAI

QUA KHAI

23.01.75

HƯỚNG-TY KHÁO-TM

PHAM-VAN-E

PERMIS DE CONDUIRE	DRIVING PERMIT
--------------------	----------------

Dấu	Loại xe	Ngày có hiệu lực
☐	Máy dầu 2 bánh	
☐	Ba bánh gắn máy	
☐	Du-lịch dẫn khách	10.10.70✓
☐	Chuyên chở dưới 9 chỗ ngồi	
☐	Kéo tải trên 2500 kg	10.10.70✓
☐	Chuyên chở trên 9 chỗ ngồi	
☐	Rơ-moóc trên 750 kg	
☐	Dành cho người tàn tật	

DEPARTMENT OF THE ARMY
8th Platoon, 29th Civil Affairs Company
APO San Francisco 96495

WORK PASS

LUU MINH ANH, SSG, 69/142397, is attached to the 8th Platoon, 29th Civil Affairs Company. He is authorized to enter Allied Forces bases or installations while performing official duties (in accordance with Force Order 5312.8A).

Issuing Officer: *John A. Burris*
JOHN A. BURRIS, 1LT, INF, PLT COMMANDER

Số 026

BIÊN NHẬN

(Cấp cho QN đã lên H6-sơ xin CC bọc nhựa)

Họ và Tên LUU MINH ANH

Cấp Bậc Thượng尉

Số quân 69/142397

Thời hạn sử dụng 03 tháng

Số thẻ CC được cấp

KẾ. 4031 ngày 25-08-1974

TRƯỞNG QUÂN PHẠM VĂN TƯỜNG
QUÂN QUẢN LÝ ĐỘI 5 Vạn Tường



MẤU 05.08.66 QD-851

AP. 0.2586



ID CARD No. 456

CHUNG HINH VET

1. Trung-Si LUU-MINH-ANH

2. SS (9/142397)

3. UNIT 29th Civ Affairs Co/KILLER/VICT

4. POSITION Tai doi 29 Tan-su-vu

Interpreter - Thong-dich-vien

5. EXPIRATION DATE 31 Dec 1969

Ngày hết hạn-lực



ARVN INTERPRETER ID CARD

SPC LUU-MINH-ANH

(TSI)

69/142397

2. S/N 69

3. UNIT 339th Sig Det - Khoi Lien-Lac/GKI

4. POSITION Don-vi

Interpreter/Thong-dich-vien

5. POSITION Chức-vụ

30 June 1972

6. EXPIRATION DATE

Ngày hết hạn-lực

6. COUNTERSIGNED BY: Name: <i>William J. Swenson</i> Rank: <i>CPT</i> Position: <i>Team Chief</i> Unit: <i>339th Signal Det</i> Signature: <i>William J. Swenson</i>	5. CƠ QUAN CẤP/KHỐI LIÊN-Lạc Đồng-Minh Vũng T Chiên-Thuyết <i>[Signature]</i>
CARD NO. 312 7. The bearer of this ID CARD is authorized to enter any Allied Forces Air Base or installation to perform his assigned duty when authorized by the Installation Security Officer.	Ti/Ta HA-BA-CHUNG Truong Khoi 8. Vì như cầu liên lạc và thông dịch hành quân, trên trong yêu cầu các cơ quan hữu-trách đánh mọi sự dễ dàng cho quân nhân mang thẻ này.

9. In accordance with Force Order #5512.04 the bearer of this ID CARD is authorized to enter any Base and Allied Forces Air Base at any time of day or night.	7. Vì như cầu liên lạc và thông dịch hành quân, trên trong yêu cầu các cơ quan hữu-trách đánh mọi sự dễ dàng cho quân nhân mang thẻ này.
<i>[Circular Stamp: 339th Signal Det, 1st AF, Vietnam]</i>	6. ISSUED BY: <i>[Signature]</i> THOMAS N. LYNNCH 29th Civil Affairs Company AFV 96337

DEPARTMENT OF THE ARMY
29th Civil Affairs Company
APO San Francisco 96349

10 September 1971

Detachment Commander
339 Signal Detachment
APO San Francisco 96308

1. With reference to your letter dated 28 August 1971, the recommendation for award of the Army Commendation Medal for SFC Lam Minh Anh was submitted to AG Personnel, XXIV Corps on 31 August 1970. While there is no one presently assigned to the admin section who was present at that time, this information was obtained from the awards register maintained by this unit.
2. A thorough check of the files maintained at this headquarters for a copy of this award recommendation had negative results. A check with AG Personnel, XXIV Corps also proved to be negative.
3. This unit has requested the 8th AA Platoon to check their files for a copy of this recommendation. If a copy is located, this unit will take immediate action to have this recommendation expeditiously processed and will so notify your unit.

RICHARD H. JORDAN
CPT, ADA
Adjutant

H E A D Q U A R T E R S
XXIV CORPS
I CORPS ARVN LIAISON OFFICE

27 November 1970

1568/KLL/DM/QX1

PQC

From: Senior ARVN Liaison Officer, XXIV Corps
To: SSG LUU-MINH-ANH, 69/142397, ARVN Interpreter

Info: Commanding Officer, 1st MIB, 525th MIG
AG, I Corps

Subj: ARVN Interpreter, assignment of

Ref: (a) AG, I Corps Transfer Order No. 16187/QDI/TQT/TDV
of 18 November 1970.

1. In accordance with reference (a) you are assigned to the 1st Military Intelligence Battalion, 525th Military Intelligence Group for duty as interpreter in replacement of SSG HO-VAN-TAN effective 30 November 1970.

2. All matters concerning your duties will be brought to the attention of the nearest ARVN Liaison Office.



HA-BA-CHUNG

Major ARVN

Số 11 PHÁP LỆNH

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Lộc Chàng

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận Lộc Ninh

Số 86

Tỉnh, Thành phố Sông Bé

Quyển số 1

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG	VỢ
Họ và tên <u>Lưu Minh Anh</u>	<u>Nguyen Thi Vy</u>
Bí danh	
Sinh ngày tháng <u>10 - 10 - 1949</u>	<u>22 - 02 - 1953</u>
năm hay tuổi	
Dân tộc <u>Khinh</u>	<u>Khinh</u>
Quốc tịch <u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp <u>Làm ruộng</u>	<u>Chợ may</u>
Nơi đăng ký <u>Cố l. Ấp 8 Khu Long Xã</u>	<u>Cố l. Ấp 8 Xã Lộc Chàng</u>
nhân khẩu <u>Sông Bé Huyện Vạn Bình</u>	<u>Huyện Lộc Ninh</u>
thường trú <u>Cư l. Khu Long</u>	<u>Cư l. Sông Bé</u>
Số giấy chứng minh nhân dân: <u>14.14.3</u>	<u>C.M.N.D số 280006039</u>
hoặc hộ chiếu <u>14.14.3</u>	

Đăng ký ngày 20 tháng 01 năm 1979

Người chồng ký Lưu Minh Anh

Người vợ ký Nguyen Thi Vy

TM. U.B.N.D. Bà Lộc Chàng

Chủ tịch

Lưu Minh Anh, Nguyễn Thị Vy

Đã được công nhận

26/07/1990

Thư Thúc sáo y bản chính

Tm UBND xã Tân Thái
chủ tịch



Bùi Quang Đức

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM BÌNH-DƯƠNG
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE H/4)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Lộc-Ninh
(Extrait du registre des actes de naissance) Tỉnh Bình-Long (NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM: 1953
(Année)

SỐ HIỆU: 32
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-thị-Ty
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Fille
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Vingt deux février mil neuf cent Cinquante trois.
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Locninh
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-văn-Mọi
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Aide surveillant
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Locninh
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Phạm-thị-Cốt
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Ménagère
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Locninh
Vợ chánh hay thứ (Son rang de l'un ou l'autre)	

Trích y hân chánh,
(Pour extrait conforme)

Bình-Dương, ngày 8-1-1974

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)



[Handwritten signature]

1974/01/08 10:10:19

Giá tiền: 15 \$ 00
(Coût)
Biên-lai số:
(Quittance No)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

ĐÔNG HƯNG THUẬN

(Extrait du registre des actes de naissance)

Je soussigné Lữ bá Mưu

GIADINE

(NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-Nam)

đã nhận ra le 10-10-1949 NĂM 1949

SỐ HIỆU 19

ở Đông hưng thuận le nó (Année)

(Acte No)

Lữ minh Anh
est nom propre
enfant et je
déclare sur mon
propre prénom.
Signé : Lữ bá Mưu

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lữ minh Anh
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Masculin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 10-10-1949
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Đông hưng thuận
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	/
Cha làm nghề gì (Sa profession)	/
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	/
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	La kim Phụng
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Commercante
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Đông hưng thuận
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	/

Chúng tôi, BUI ĐÌNH TUYẾN, (Hous)

Chánh-án Toà SAIGON UT.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

TRẦN THỊ CANH
(A.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Trích y bản chánh,
(Four extrait conforme),

SAIGON, ngày 6-12-1949

KT. CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),

SAIGON, ngày 6-12-1949

TỔNG-THÁP
CHÁNH-ÁN,
(Président),
THAM-PHÁN

Giá tiền : 58

(Coût)

Biên-lai số : 13.348

(Quittance No)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM BÌNH-DƯƠNG
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE BÌNH-DƯƠNG)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Lộc-Ninh
(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh Bình-Long (NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1953
(Année)

SỐ HIỆU 32
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-thị-Ty
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Fille
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Vingt deux février mil neuf cent Cinquante trois.
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Locninh
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-văn-Mọi
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Aide surveillant
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Locninh
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Phạm-thị-Cốt
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Ménagère
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Locninh
Vợ chánh hay thu (Son rang de femme mariée)	-----

Trích y bản chính,
(Pour extrait conforme)

Bình-Dương, ngày 8-1-1954
CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHÈF)

Quả tiền: 15.00
(Cout)
Biên-lai số:
(Quittance No)


PHẠM-Vũ-THƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, khu Phố Lạc Thuồng
Huyện Lộc Ninh
THÀNH PHỐ Sông Tré
★

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NĂM 1982
Số 6161
Quyển số 02

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Họ tên	<u>Lưu Nguyễn Minh Trí</u>		Nam hay Nữ	<u>Nam</u>
Ngày, tháng năm sinh	<u>13.7.1982</u> <u>Ngày mười ba tháng bảy năm một chín tám hai</u>			
NƠI SINH	<u>tại nhà (Ấp 8, xã Lạc Thuồng, Huyện Lộc Ninh)</u>			
PHẦN KHAI VỀ CHA MẸ	NGƯỜI CHA		NGƯỜI MẸ	
Họ, tên, tuổi	<u>Lưu Minh Ánh</u> <u>1949</u>		<u>Nguyễn Thị Ly</u> <u>1953</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>		<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp, chỗ ở	<u>Lưu rồi</u> <u>Ấp 8, xã Lạc Thuồng</u>		<u>Cơ sở May</u>	
Họ, tên, tuổi, chỗ ở nơi cấp, số và ngày cấp giấy chứng minh (nếu có) của người đứng khai	<u>Lưu Minh Ánh</u> <u>Chứng minh số' cư trú số' 259/QĐ</u>			

Người đứng khai
(Đã ký)

Đã ký ngày 17 tháng 9 năm 1982
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN Xã

(Đã ký đóng dấu) PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Đức

Ghi chú: _____

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 5 năm 1982

ỦY BAN NHÂN DÂN Xã



Lưu Văn Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã phường Lộc-Thắng Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huyện, Quận Lộc-Hình
Tỉnh, Thành phố Sông-Bô

TP/HT
Số 2777
Quyển 02



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lưu-Nguyễn-Hình-Trần Nam hay Nữ nữ
Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười bảy, tháng sáu, năm một chín
tam ba (17 - 6 - 1963)
Nơi sinh Bệnh viện
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt - Nam

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn - thi - Ty</u>	<u>Lưu - Minh - Ảnh</u>
Tuổi	<u>sinh 1953</u>	<u>sinh 1949</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt - Nam</u>	<u>Việt - Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Thợ may</u>	<u>Làm rẫy</u>
Nơi thường trú	<u>Ấp 8 Xã Lộc-Thắng, Lộc-Hình, Sông-Bô.</u>	<u>Ấp Phú-Long, Sông-Phú, Tân-Bình, Tỉnh Cửu-Long</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Nguyễn-thi-Ty, sinh 1953

CMND số : 280006039

Người đứng khai ký

Đăng ký ngày 10 tháng 10 năm 19 83
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

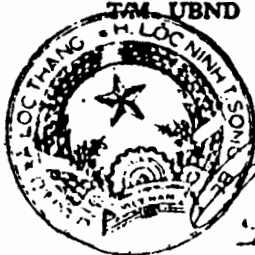
(đã ký) Nguyễn - Mân

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 04 tháng 10 năm 89

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Văn Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã phường Lộc-Thắng Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huyện, Quận Lộc-Ninh
Tỉnh, Thành phố Sông-Bô

TP/HT
Số 5092
Quyển 03

ĐÃ THU



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lưu - Nguyễn - Minh - Trung Nam hay Nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười sáu, tháng ba, năm một nghìn
tám bảy (16 - 3 - 1987)
Nơi sinh Ấp 8 Xã Lộc-Thắng, Lộc-Ninh, Sông-Bô
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt - Nam

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn - Thị - Ty</u>	<u>Lưu - Minh - Ảnh</u>
Tuổi	<u>sinh 1953</u>	<u>10 - 10 - 1949</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt - Nam</u>	<u>Việt - Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Thợ may</u>	<u>Giáo viên</u>
Nơi thường trú	<u>Trường PT trung học, Ấp 8 Xã Lộc-Thắng</u> <u>Lộc-Ninh</u>	<u>Lộc-Ninh</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Lưu - Minh - Ảnh, sinh 1949

Ấp 8 Xã Lộc-Thắng, Huyện Lộc-Ninh

Đăng ký ngày 17 tháng 4 năm 19 87

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

P. chủ tịch,

(đã ký) Lương-văn-Tân,

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 04 tháng 10 năm 89

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Văn Tân

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến..... Từ ngày.....tháng.....năm..... Ký tên đóng dấu	Chuyển đến..... Từ ngày.....tháng.....năm..... Ký tên đóng dấu
Chuyển đến..... Từ ngày.....tháng.....năm..... Ký tên đóng dấu	Chuyển đến..... Từ ngày.....tháng.....năm..... Ký tên đóng dấu
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	

MẪU SỐ NK4

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số :

Họ và tên chủ hộ:

Số nhà :

Ngõ (hẻm) :

Đường phố :

Đồn CAND :

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh :

Tỉnh, thành phố :

Ngày 11 tháng 10 năm 1983

Phó Trưởng công an Huyện
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đóng ký nhập khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
01	Nguyễn Thị Bý	1953	Nữ	Chủ hộ	Thợ May	180006039	5-1-79		
02	Lưu Nguyễn Minh Bửu	1982	Nam	Con	Cán Nhô		18-9-84		
03	Lưu Nguyễn Minh Bửu	17-6-82	Nữ	"	"		11-10-83		
04	Lưu Minh (Hinh)	1947	Nam	Chồng		33064677	12-10-84		J. <u>huu</u>
05	Lưu Hoàng Minh <u>ĐA BANG</u>	1984	Nam	Con	Cán Nhô		16-4-84		

ODP IV. _____

Date : FRIDAY, JUNE 21 th, 1961

Fill out this questionnaire in english
as Completely as possible. If you can
not read or write in English Fill it out
Vietnamese.

Mail or send the Completed
Questionnaire To :
THE DIRECTOR OF THE ODF OFFICE.
WILLIAM D. FLEMING.
127 PANJABUR BUILDING
SOUTH ASTHORN, TAI ROAD BANGKOK
10120 - THAILAND.

A/ BASIC IDENTIFICATION :

1. Full name : LUU MINH ANH.
(Surname) (Middle) (Given name)
2. Other name : None.
3. Date, place of birth : October, 10 th, 1949.
In Dong Hung Thuan (Village), Gia Dinh (Province)
4. Permanent address :
Mr . LUU MINH ANH.
436/31 CANH MAIG THANG 8 - QUAN 3 - HO CHI MINH City - VIETNAM.
5. Current Occupation : English teacher and Peper gardener.

B/ RELATIVE TO ACCOMPANY :

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible
to accompany you. List marital status (MS) as follows :
Married (M), Divorced, (D) , Widow (W) , or Single (S).

: FULL NAME	: DATE OF BIRTH	: FOB	: SEX	: MS	: RELATIONSHIP	:
1. NGUYEN THI TY	: FEB 22 1953	: LOC NINH	: F	: M	: Spouse	:
2. LUU NGUYEN MINH THAI	: JULY 13 1982	: "	: M	: S	: Son	:
3. LUU NGUYEN MINH TRAN	: JUNE 17 1983	: "	: F	: S	: Daughter	:
4. LUU NGUYEN MINH TRUNG	: MARCH 15 1987	: "	: M	: S	: Son	:
: _____						

NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth
Certificates, marriage certificates (If married) divorces decrees (if
divorced) Spouses death certificate (If widowed) identification cards.

(If available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please not their addresses in Section I Below).

C/ RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :

1. - Closeest Relative in the U.S : None.
 - A. Name :
 - b. Relationship :
 - c. Address :
 - d. Date of relatives arrival :
2. - Closest relative in other Foreign Countries : None.
 - a. Name :
 - b. Relationship :
 - c. Address :

D/ COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD) :

- 1.- Father : LUU BA MUU
- 2.- Mother : LA KIM PHUNG
- 3.- Address : 435/31 CAEH HANG THANG 8- QUAN 3 - HO CHI MINH City .
- 3.- Spouse : NGUYEN THI TY
- 4.- Former spouse (If any) : None.
- 5.- Children :
 1. LUU NGUYEN MINH TRI.
 2. LUU NGUYEN MINH THANH .
 3. LUU NGUYEN MINH TRUNG,

- Address : Ap 8 (H) LOC THANG (V) , LOC MINH (D) SONG BE (F)
- 6.- Siblings :
 1. LUU MINH THUY.
 2. LUU THI MINH YEN.

- Address : 435/31 CAEH HANG THANG 8- QUAN 3, HO CHI MINH city.

E/ EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Employment name : LUU MINH ANH
2. Position title : Interpreter
3. Agency / Company / Office : I assigned to the following platoons.
 - a. 1 st Civil Affairs platoon : Was attached to G.5 , the US 3 rd Marines Division, Located in Quang Tri Combat base.

- b. 8 th, Civil Affairs platoon : Was attached to Quang Tri Province Headquarters, Military assistance Advisory in VietNam (MACV) team 19, Combined with CORDS.
- c. 54 th Civil affairs Platoon : Was attached to S5, First Brigade the US 5 th Mechanized Infantry Division.

These platoons were belonged to the US 29 th, Civil affairs Company APO San Francisco 96337, 96349.

- d. 339 th Signal Detachment : was belonged to the US 1st Military Intelligence Battalion, the U.S 525th Military Intelligence group APO San Francisco 96308.

4. Length of Employment :

From Dec 1968 to June 1972.

5. Name of American Supervisors :

a. 1st Civil Affairs Platoon :

- 1 st Lieutenant THOMPSON (Platoon commander)
- 1 st Lieutenant TURNER (Executive officer)

b. 8 th Civil affairs platoon :

- Captain TATE
 - CPT DONALD CICATELLO
 - CPT CLAUDE FRAFTIN
 - CPT JOHN H.A. BURRIS
- } Platoon Commanders.

c. 54 th, civil affairs platoon :

- CPT ELAHEE (platoon Commander)
- 1st LT KOHN (executive officer)

- d. 339 th Signal Detachment : - CPT WILLIAM J. SKEENE (339th, Signal team leader).
- Warrant officer : BENNET.

6. Reason for Separation :

Attended to 1/72 officer training Course for Basic Infantry at THU DUC Infantry officer School.

F/ SERVICE WITH GVN OR BVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE :

- 1. Name of person Serving : LUU MINH ANH.
 - 2. Dates : From 1972 to April 1975.
 - 3. Last rank : Second Lieutenant.
- Military service number : 59/144397.

4. Ministry/ Office / Military Unit.

5 th. Transportation Company, Army Republic VIET NAM.
(ARVN) 5 th, Infantry Division. KBC 4031.

5. Name of Supervisor/ CO

CPT NGUYEN VAN DIEN.

6. Reason for leaving : April 30 1975 Events.

7. Name of American Advisor :

8. US Training Courses in VIETNAM. .

8/68 English language training Course. Trained at the Armed Forces
Languages School for Interpreter.

9. U S Awards or Certificates : The recommendation for award of the US ARMY
Commendation Medal for Sergeant First Class LUU MINH ANH.

NOTE : Please attach any copies of Diplomas awards for Certificates.

If available ? Yes : x

G/ TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of Student / Trainee.

2. School and School Address :

3. Date From : To :

4. Description of Courses :

5. Who paid for Training .

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available).

Yes : _____ No : _____

H / RE - EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person in re - Education : LUU MINH ANH.

2. Total time in re - Education : Yes : X No : _____

From 27 June to 30 April 1978. (2 years 10 months 03 days).

I/ ANY ADDITIONAL REMARKS : Would you please approve my application for
interview. (Reference : ODF - H (1730) a : 08/90).

FRIDAY , JUNE 21 th, 1991

Luu Minh Anh

LUU MINH ANH

J/ PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

- A copy of the birth certificate of each person.
- A copy of the marriage certificate.
- And other concerned documents.

Saigon ngày thứ ba 10 tháng 9 năm 1971.

Thưa Bà.

Thưa biết đến Hải của tôi nhờ những người bạn của Sĩ Quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cũng cảnh ngộ như tôi, cũng như nghe đài vova và báo chí từ bên Mỹ.

Như thông bài báo từ New York Times ngày Thursday, January 12, 1971 trong đề tựa US Raises Quota of Soviet Refugee by Cutting Asians của nhà báo Robert Fear có đoạn là phát biểu "the change strikes as a symbolic betrayal of the hopes we have nurtured through long years of separation from our loved ones".

Chúng tôi và hàng cá nhân tôi vô cùng kính phục Bà và quý Hải những người vẫn còn tinh thần đạo đức lý tưởng từ đó mà chúng tôi là những kẻ còn ở lại Vietnam không có dịp được gặp Bà và quý nhân viên của Hải để nối tiếp công việc đó, một nạn nhân mà "bước đi" cho những kẻ còn ở lại đã trải qua quá nhiều gian truân chịu đựng.

Gần xin nói rõ cho Bà biết, nguyên trước kia tôi là một Sĩ Quan cấp úy của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Đến vì sau cùng tôi phục vụ tại Sư Đoàn 5 Bộ Binh và vì lý tưởng tôi đã chiến đấu cuối cùng cho đến ngày 30.4.75. Rồi sau đó tôi bị đi các trại giam, ba năm và quân chế tại địa phương hơn một năm mặc dù ngày đó cho ra về chỉ quân chế có sáu tháng. Trong đợt phong thủy đó tôi không được phép ở Saigon mà phải đi kinh tế mỗi năm dù tôi có nhà ở Saigon.

Trước ngày về Sư Đoàn 5 Bộ Binh, tôi cũng là một thông dịch viên quân đội phục vụ trực tiếp ở Đại Đội 29 Dân Sự Hoa Kỳ và Tiểu Đoàn 1 Quân Báo của Đoàn 525 Quân Báo Hoa Kỳ tại 2 tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên (Huế).

Hiện tại tôi sống tại vùng thôn quê Lộc Ninh thuộc tỉnh Sông Bé bằng cách làm rẫy, làm vườn trái với những kiên thức mà tôi đã học hỏi và có được. Tuy vậy để an ủi cuộc sống tôi vẫn nghe đài vova và có lần nghe được tiếng nói của Bà trong buổi phỏng vấn.

phong viên đài VOA qua "Đuối gặp mặt, Bữa cơm thân mật
Đông Tâm với các Cầm Cãi Tào viên". Tiếng nói của Bà sao thật
xúc động hình như đã chia sẻ những nỗi khốn khổ của những
người tù Cải tạo. Tuổi thanh xuân của chúng tôi chỉ thấy có máu,
nước mắt và nước mắt. Ngày nay tuổi đời mới ngày một chóng chát,
sức khỏe mới ngày một suy yếu chỉ cầu mong rằng hãy giúp đỡ thật
sự những cháu ngày còn lại đừng để chìm trong quên lãng cho thế
hệ con cái chúng tôi chỉ đứng cây đứng như cha nó.

Tiếng nói của Bà đã có hiệu quả tốt và cũng có hiệu quả
tốt hơn trong chính sách Hoa Kỳ đối với người Tỵ nạn Việt Nam trong
tới khóa sắp tới.

Hiện nay, tôi đã được phía chính phủ Việt Nam cấp giấy
hồ chiếu và lên danh sách HO-25. Tôi cũng đã gửi hồ sơ đến
quý Hội ngày 30-10-1989 vậy tôi xin bổ sung thêm giấy tờ liên
hệ và hoàn chỉnh hồ sơ. Theo như ODP Processing mẫu

ODP-H (1730a: 08/90) thì tôi đủ tiêu chuẩn xét nhập cảnh.

Kính mong quý Hội bảo trợ hoặc giới thiệu đến một Hội
Thiện nguyện nào tại Hoa Kỳ.

Cuối thư, Kính chúc Bà và nhân viên quý Hội được
nhiều sức khỏe tốt, mạnh tiến trên đường phục vụ.

Kính Thư.

Lưu Minh Anh

(Lưu Minh Anh)

Friday, 21 June 1991

From: Mr. LUU MINH ANH
436/31 CMT8 Street, QUAN BA
HCM City, VIETNAM

TO: The director of the O.D.P. office
MR. WILLIAM D. FLEMMING
127 South Sathorn THAI Road
BANGKOK 1020, THAILAND

APPLICATION FOR IMMIGRATION

SUBJECT: INTO THE U.S.A. UNDER THE U.S. O.D.P.

Dear Sir,

I undersigned LUU M. ANH, DOB: October 10, 1949, POB: Dong Hung Thuan (village), Gia Dinh (province). Last rank until April 30 1975: Second Lieutenant (2nd LT)

I was employed as An Army Republic Vietnam (ARVN) Interpreter, attached to the following U.S. units:

a) 1st platoon, 8th platoon and 5Ath platoon belonged to US 29th Civil Affairs Company, A.P.O. San Francisco 96349

b) 339th Signal Detachment APO SF 96308. This unit belonged to 1st Military Intelligence Battalion, 525th Military Intelligence group.

c) Length of military service for the U.S. units:

From December 1968 to June 1972

My main job: translator and interpreter. I translated the intelligence documents and interpreted for the Civic Action program, pacification program between the American officers and the Vietnamese cadres. My former commanders: Captain DONALD CICATELLO, CPT CLAUDE F. RAFFIN, CPT JOHN A. BURRIS (29th Civil Affairs Company), CPT WILLIAM J. SWEENEY (339th Signal team leader, 1st Military Intelligence Battalion, 525th MIG)

d) I spent about 3 years in jail because I worked for the U.S. military units and a loyal soldier to the South Vietnamese Regime. It would be difficult for me to put into words the feelings and sufferings.

of a political prisoner. I experienced. Under the banner of freedom. I contributed to fight against Communist aggression.

Will you kindly approve my application and put the following names on list for interview authorization
Reference ODP-H (1730a 08/90)

Full Name	DOB	POB	Sex	Relationship
1. LUU MINH ANH	Oct 10 - 1949	Gia Dinh	M	Applicant
2. NGUYEN THI TY	Feb 22. 1953.	Loc Ninh	F	Spouse
3. LUU NGUYEN MINH TRI	July 13 - 1982	- do -	M	Son
4. LUU NGUYEN MINH TRAN	JUNE 17 - 1983	- do -	F	Daughter
5. LUU NGUYEN MINH TRUNG	MARCH 16 - 1987	- do -	M	Son

I have Exit permits which were numbered 112296/90 DC1 and 112298/90 DC1, dated on 21 November 1990. Vietnamese list # HO 25-225.

I am waiting for the good news from you which was such as to come to life again and breathing the air of freedom.

I am ever so much obliged to you for your help. I believe that the US Government, the US Foreign policy and the people love the freedom ideal never forget the fighting men in Vietnam war who were lost and damaged in their life by blood, tear and sweat.

Respectfully yours.

Luu Minh Anh
(Luu Minh Anh)

FROM: MR LUU MINH ANH
436/31 CMT8, Q3. HCM City
VIETNAM

MAY BAY
PAR AVION

AR BAO
NHAN

TP HO CHI MINH
156

THE DIRECTOR OF THE FAMILIES OF VIETNAMESE
MRS KHUC MINH THO POLITICAL PRISONERS ASS.

PO BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635.

U.S.A

TP HO CHI MINH
11.9.91
70000

VIET NAM
02000đ
BIA CHINH
SM: 053

OCT 10 1991

TP HO CHI MINH
11.9.91
70000

VIET NAM
42200đ
BIA CHINH
SM: 053

TP HO CHI MINH
11.9.91
70000

VIET NAM
08300đ
BIA CHINH
SM: 053

AIR MAIL

100Y. 42200 + 8000 + 2000.

Luu 2

Monday, 30th October 1989.

FROM : Mr. LUU MINH ANH
436/31 CMT8 STREET, QUAN BA
HO CHI MINH CITY, VIETNAM

TO : THE DIRECTOR OF THE ODP OFFICE
Mr. BRUCE A. BEARDSLEY
PANJABHUM BUILDING.
127 SOUTH SATHORN TAI ROAD
BANGKOK 10120 THAILAND.

SUBJECT : REQUEST FOR IMMGRATION INTO THE USA UNDER THE U.S ODP.

Dear Sir,

I undersigned LUU MINH ANH, DOB October 10, 1949 .
Place of birth : Dong Hung Thuan (V), Gia Dinh (P) Last rank
until april 30 1975 : Second Lieutenant .

Military Service Number : 69/142397.

Present Residence address :

Ap 8 (H), Loc Thang (V), Loc Ninh (D), Song Be (P) VIETNAM

MAILING ADDRESS : (Please, send this Address. It's very important
Mr. LUU MINH ANH .

436/31 CMT8, QUAN 3, HO CHI MINH CITY, VIETNAM.

Your outstanding dedication into humanitarian spirit has
been know as a fact and highly appreciated. Thanks to your help,
many friends of mine could join the Free world, some of them had
the Imigration Visa number (IV number) and LOI (letter of intro-
duction from the ODP office).

I was closely associated with the United stated So I am
respectfully asking your consideration and intervention with
benevolence : I also would like receive from you a great favor.
My application as follows :

1/. From December 1968 to December 1970 :

I was employed as An Army Republic Vietnam (ARVN) inter-
preter. Rank : Staff Sergeant (E-6).

Unit : attached to the US : 29th Civil affairs Company APO San Francisco 96337. The Company Headquarters located in the US Third Marines Amphibious Forces (US. III MAF) Headquarters.

As of 1970 It was renamed the US XXIV CORPS Headquarters after the US Marines Forces Withdrawal .

The 29th Civil Affairs Company mission mainly advised and carried out by G5 of the US Marines Amphibious Forces, XXIV CORPS, CORDS and Combined with Army Republic Vietnam (ARVN) I CORPS for the Civic Actions and the Pacification programs.

I was transferred to the following Civil affairs platoons of the US 29th Civil Affairs Company.

My main job : Translator and Interpreter between American Civil affairs officers and the Vietnamese people whom concerning the Civic Actions Programs.

a). 1st Civil Affairs platoon :

I Worked for 1st Civil Affairs platoon. My Supervisor : 1 st Lieutenant THOMPSON (platoon Commander) and 1st Lieutenant FURNER (Executive officer). This platoon attached to the US 3rd Marine Division (G5) located in Quang Tri Combat base.

b). 54th Affairs platoon :

I worked for CPT ELAHEE (platoon Commander), 1st Lieutenant KOEN (executive officer), Staff Sergeant RICE, SP4 MAC GOMAN, SP4 HARLEY .

54th Civil Affairs platoon was attached to the US 5th Mechanized Division (Symbolized Red Diamond), 1 st Brigade (It stationed in Landing zone (LZ) NANCY, MY CHANH Village, Quang tri province) . My primary duty : I translated the documents which concerning with North Vietnamese Army troops and the local guerrillas.

I sometimes worked for Major BENSON, Captain CUMMINGS, Sergeant First Class (SFC) PARKS whom served for S2 and S5 (1st Brigade) that Viet Communist POWs (Prisoner of welfare) were being investigated and arrested .

C/- 8th Civil affairs platoon :

This Unit was combined with the government Vietnamese Quang Tri province Headquarters, CORDS organization and Military Assistance Command in Vietnam (MACV). Advisory team 19. APO San Francisco 96495 .

I was being served for a long time this platoon. My 8th Civil Affairs platoon Commanders as follows : Captain TATE, Captain DONALD. CICATELLO, CPT CLAUDE. F. RAFFIN, CPT JOHN A. BURRIS (CPT BURRIS speaks the Vietnamese languages fluently).

The platoon established the survey teams for the pacification program requirements .

CPT HARVILLE, CPT GACY, 1st LT DILLINDER, 1 st LT COTTY , 1st LT VISHNER, Master Sergeant (MSGT) DOREO TIMTIM, SP4 HEWES , SP4 COUCOULIS, SP4 HARRISON, PEC ORR and I Served the Survey teams We generally visited the hamlets, villages of DONG HA, CAM LO , GIO LING, HUONG HOA, HAI LANG, TRIEU PHONG in QUANG TRI province for the Civil affairs Programs.

Our platoon had the American Interpreters as follows : SFC BAUCUM, SFC RALP HALL, SP5 LANAHAN, SP4 MAY.

During that time, my Civil Affairs and I contacted with the chiefs of Quang Tri Public Education, Public Health, Public Social welfare, Vietnamese Information Service in order to make report concerning their problems .

I generally translated the Vietnamese letters of request for commodities, foodstuff (food for freedom), School -Kits and many problems of the Civic Actions.

2/. From December 1970 to December 1971 :

I assigned to the US 1st Military Intelligence Battalion (MIB) belong to the US 525th Military Intelligence group. After that I was assigned to the 339th Signal Detachment, 1 st MIB in Hue City. My rank was promoted : sergeant first class (SFC) My team chief. Captain WILLIAM J. SWEENEY. Executive officer : Warrant officer BENNET. APO. San Francisco 96308.

My job : translated the intelligence Documents Interpreted between Army Republic of Vietnam (ARVN) 101st Intelligence group, 65th Military Intelligence team and the US 339th Signal Detachment .

3.- From December 1972 to April 30. 1975 Events :

I was trained in the Thu Duc Infantry officer School. I was graduated : Aspirant .

Transferred to ARVN 5th Transportation Company belonged to ARVN 5th Infantry Division. KBC 4031 My last rank was promoted: 2nd Lieutenant Position : Platoon leader.

4.- From April 1975 to April 1978 :

I spent three years in jail. I was jailed in the following political re-education camps : TRANG KON (Tay Ninh province) , PHU QUOC island, LONG GIAO (DONG NAI province), BUI GIA PHUC Camp 3136/K3 (SONG BE province).

5.- From April 1978 to 1989 :

I was unauthorized to live in HO CHI MINH City, before I was being released out of the re-education camps.

I would like to depart from Vietnam to come to the United States in order to pursue my freedom ideal and seek a living in peace. So I am making this application with many political reasons as follows :

- I spent three years in jail because I worked for the U.S military units and a loyal soldier to the South Vietnamese regime. My past situation was being evaluated 'puppet officer'. Viet Communist generally says 'puppet' such as enemies to them. Therefore they marked the bad classification to me.

- The Viet communist authority always have been bothering and harassing for many times in my living. I have been in the countryside. It is a problem with many privations in suffering since 1980. I have known Vietnam war ended 14 years ago but still under the influence of my low spirit in mind is continuously stretching for many years I am reduced to an extreme of living and political illtreatment if I have no relief from the anti. Communist associations in the United States or the US Government

You should understand that the situation of the political prisoners have no good conditions in order to come directly contact with the American representatives of the U.S. ODP.

I affirm that the information, in detail notify to you is true and understand that any false statement could prevent me to the United states. If true, I believe that the US goverment, the US foreign policy and the people love the freedom ideal never forget the fighting men in Vietnam whowere lost and damaged in their life by blood, tear and sweat have influenced the United states still stay here.

I have an idea suggestion that I eagerly would like to need an appointment made in Saigon City as an extra-interview. If have, I really love to speak English with Americans that I have been sympathizing for 20 years with the friendly American.

I am ever so much obliged to you for your help.

~~-X-~~

1. LƯU MINH ANH	: Oct 10-1949: GIA DINH	: M	: Applicant
2. NGUYEN THI TY	::Feb 22-1953: LOC NINH	: F	: Spouse
3. LƯU NGUYEN MINH TRI	: Jul 13-1982: -do-	: M	: Son
4. LƯU NGUYEN MINH TRAN	: June 17-1983: -do-	: F	: Daughter
5. LƯU NGUYEN MINH TRUNG	:March 16-1987: -do-	: M	: Son

Respectfully Yours.

Former 2nd Lieutenant, Interpreter.

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

ĐÔNG HƯNG THUẬN

(Extrait du registre des actes de naissance)

Je soussigné Lữ bá Mưu

GIADINH

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

a reconnu le 10-10-1949

NĂM 1949

SỐ HIỆU 19

à Đông hưng thuận le né (Année)

(Acte No)

Lữ minh Ảnh

est nom propre

enfant et je

déclare sur mon

propre prénom.

Signé : Lữ bá Mưu

Tên, họ đứa con nít
(Nom et prénom de l'enfant)

Nam, nữ
(Sexe de l'enfant)

Sanh ngày nào
(Date de naissance)

Sanh tại chỗ nào
(Lieu de naissance)

Tên, họ cha
(Nom et prénom du père)

Cha làm nghề gì
(Sa profession)

Nhà cửa ở đâu
(Son domicile)

Tên, họ mẹ
(Nom et prénom de la mère)

Mẹ làm nghề gì
(Sa profession)

Nhà cửa ở đâu
(Son domicile)

Vợ chính hay thứ
(Son rang de la femme)

Lữ minh Ảnh

Masoulin

Le 10-10-1949

Đông hưng thuận

/

/

/

La kim Phung

Commerçante

Đông hưng thuận

/

Chúng tôi, BUI ĐÌNH TUYẾN, được
(Nous)

Chánh-Án Toà SAIGON UN.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

XXX, TRẦN THỊ CANH
(Mère)

XXXX, Lữ-sự Toà-Án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Trích y bản chính,
(Pour extrait conforme),

SAIGON, ngày 6-12-1949

KT. CHÁNH LỤC-SỰ,
(Le Greffier en Chef),

Trần

SAIGON, ngày 6-12-1949

TUN, CHÁNH-ÁN,
(Le Président),

THAM PHÁN

Giá tiền: 58

(Cổ)

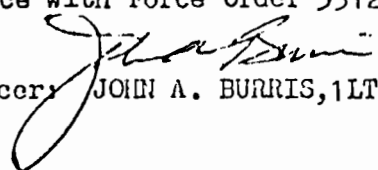
Biên-lai số: 13.348

(Quittance No)

DEPARTMENT OF THE ARMY
8th Platoon, 29th Civil Affairs Company
APO San Francisco 96495

WORK PASS

LIU MINH ANH, SSG, 69/142397, is attached
to the 8th Platoon, 29th Civil Affairs Company.
He is authorized to enter Allied Forces bases or
installations while performing official duties.
(in accordance with Force Order 5312.8A).

Issuing Officer:  JOHN A. BURRIS, 1LT, INF, PLT COMMANDE

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHONG
CHỨNG-CHỈ TẠI NGŨ

Số: 305.199

Họ và Tên:

LIU - MINH - ANH

Cấp bậc:

Thiếu Úy

Số quân:

69/142.397

Đơn vị:

Đoàn 5 Vạn Lai

Quân Khu 5 Vạn Lai

QUÂN LỰC VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

MÀU
01.10.74

005750 G/III

00.74.TTALAP.0.273



ID CARD

No. 156

CHUNG HINH THU

1. Trung-Si LIU-MINH-ANH

2. SN 69/142397

3. UNIT 29th Civ Affairs Co/KILLPM/VIET

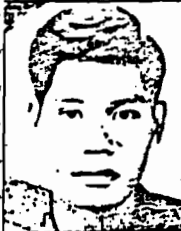
Đoàn-vi tại đơn vị 29 Dân-sự-vũ

4. POSITION Interpreter - Thông-Dịch-Viên

Chức-vụ

5. EXPIRATION DATE 31 Dec 1969

Ngày hết hiệu-lực



ARVN INTERPRETER
ID CARD

SEC LIU-MINH-ANH

(TSI)

69/142397

2. SN

3. UNIT 339th Sig Det - Khe Sanh - Khe/GKI

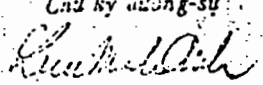
Đơn-vi

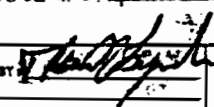
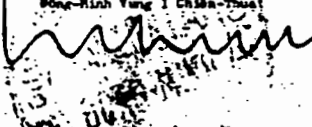
4. POSITION Interpreter/Thông-dịch-viên

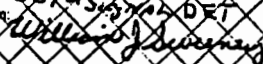
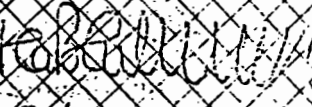
Chức-vụ

5. EXPIRATION DATE 30 June 1972

Ngày hết hiệu-lực

Hiệu lực cũn 01-02-75	Hiệu lực dân	Hiệu lực dân	Hiệu lực dân
TÊN		DẤU CHỮ NGƯỜN TỰ	
PHAI		Ngày sinh : 10-10-1949 Nơi sinh : TRẦN VĂN THÁNH (Chú : TRẦN VĂN THÁNH) Họ : TRẦN VĂN THÁNH Địa-chỉ hiện tại : TRẦN VĂN THÁNH Chữ ký đương-sự 	

6. ISSUED BY  THOMAS N. LYNCH 29th Civil Affairs Company AFU 96337	6. CỐ QUAN CẤP KHỞI LIÊN-LẠC Đồng-Minh Vãng 1 Chấn-Thước  TRẦN VĂN THÁNH TRƯỜNG KHOA
7. In accordance with Form Order #5312.0A the bearer of this ID CARD is authorized to enter any USMC and Allied Forces Air Base or installation at any time of day or night.	7. Vì nhu-cầu liên-lạc và thông-tích hành-quân, trên trọng yêu cầu các cơ-quan hữu-trách làm mọi lễ tang cho quân-nhân mang thẻ này.

6. COUNTERSIGNED BY: Name: William J. Sweeney Rank: CPT Position: Team Chief Unit: 33rd Signal Det Sign:  CARD NO. 112	6. CỐ QUAN CẤP KHỞI LIÊN-LẠC Đồng-Minh Vãng 1 Chấn-Thước  TR/TA HÀ-BÀ-CHUNG TRƯƠNG KHÔI
7. The bearer of this ID CARD is authorized to enter any Allied Forces Air Base or installation to perform his assigned duty when authorized by the Installation Security Officer.	7. Vì nhu-cầu liên-lạc và thông-tích hành-quân, trên trọng yêu cầu các cơ-quan hữu-trách làm mọi lễ tang cho quân-nhân mang thẻ này.

TU LỆNH QUÂN KHU 7
PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

- 000 -
Số : 225/XN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

/)/gày 04 tháng 7 năm 1990

/// 7 TÊN HỌ PHẠM

Anh : LƯU MINH ANH Sinh năm : 1949
Đi lính : 12/1967 Số quân : 69/142.397
Bậc : thiếu úy . Chức vụ : Trung đội trưởng vận tải .
Sinh quán : Đồng Hưng Thuận - Củ Chi .
Hiện nay ở : Tổ 7 ấp 6 xã Lộc Thái - Lộc Ninh - Sông Bé .
Là sĩ quan chế độ củ có ra trình diện học tập cải tạo tập trung
Ngày 27/6/1975 và được thả về ngày 30/4/1978 .
Theo sổ quyết định số 131/QĐ ký ngày 27/12/1977 Thủ trưởng
Đoàn Địch Chiếm Bộ Nội Vụ đã ký và thuộc quyền quản lý của chính
quyền địa phương nơi cư ngụ . Quản chế 06 tháng .

PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ QUÂN KHU 7
PHÒNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ



Trưởng tá Nguyễn Minh Hiếu

DEPARTMENT OF THE ARMY
29th Civil Affairs Company
APO San Francisco 96349

10 September 1971

Detachment Commander
339 Signal Detachment
APO San Francisco 96308

1. With reference to your letter dated 28 August 1971, the recommendation for award of the Army Commendation Medal for SFC Luu Minh Anh was submitted to AG Personnel, XXIV Corps on 31 August 1970. While there is no one presently assigned to the admin section who was present at that time, this information was obtained from the awards register maintained by this unit.
2. A thorough check of the files maintained at this headquarters for a copy of this award recommendation had negative results. A check with AG Personnel, XXIV Corps also proved to be negative.
3. This unit has requested the 8th AA Platoon to check their files for a copy of this recommendation. If a copy is located, this unit will take immediate action to have this recommendation expeditiously processed and will so notify your unit.

RICHARD R. JORDAN
CPT, ADA
Adjutant

HEADQUARTERS
XXIV CORPS
I CORPS ARVN LIAISON OFFICE

27 November 1970

1568 /KLL/DM/QK1

PQC

From: Senior ARVN Liaison Officer, XXIV Corps
To: SSG LUU-MINH-ANH, 69/142397, ARVN Interpreter

Info: Commanding Officer, 1st MIB, 525th MIG
AG, I Corps

Subj: ARVN Interpreter, assignment of

Ref: (a) AG, I Corps Transfer Order No. 16187/QDI/TQT/TDV
of 18 November 1970.

1. In accordance with reference (a) you are assigned to the 1st Military Intelligence Battalion, 525th Military Intelligence Group for duty as interpreter in replacement of SSG HO-VAN-TAN effective 30 November 1970.

2. All matters concerning your duties will be brought to the attention of the nearest ARVN Liaison Office.



HA-BA-CHUNG
Major ARVN

Thành phố Saigon ngày 30 tháng 10 năm 1989.

From:

MR. LUU MINH ANH

436/31 CMT8, Q3

HO CHI MINH CITY, VIETNAM.

To:

MRS KHUC MINH THO

PO Box 5435

ARLINGTON, VA 22205 - 0635. U.S.A

Hình thừa Bà,

Tôi được biết đến Hội của Bà nhờ những người bạn Cựu Sĩ Quan Quân Lực VNCH cũng cảnh ngộ như tôi, cũng như nghe qua đài VOA và báo chí từ bên Mỹ.

Như thông bài báo The New York Time ngày Thursday, January 12, 1989 thông đề tựa US raises Quota of Soviet Refugees By Cutting Asian của nhà báo Robert Pear có đoạn Bà phát biểu "the change strikes us a symbolic betrayal of the hopes we have nurtured through 13 long years of separation from our loved ones".

Chúng tôi rất riêng bản thân tôi vô cùng kính phục Bà và quý hội những người vẫn còn tình nhân đạo, đeo đuổi lý tưởng tự do mà chúng tôi là những người còn ở lại Vietnam không có dịp được gặp Bà và quý nhân viên của Hội để nói tiếp công việc đó; Một vấn đề "nhớ ơn lại" cho những cựu tù chính trị đã trải qua quá nhiều gian khổ chịu đựng.

Tôi xin nói rõ cho Bà biết, Nguyễn Thiệu Kien tôi là một Sĩ Quan Cấp Úy của QL VNCH. Đơn vị sau cùng tôi phục vụ là Sư Đoàn 5 Bộ Binh tôi đã chiến đấu đến ngày cuối cùng di chuyển Sư Đoàn 5, Trung Đoàn 8 từ Mặt trận Long Khánh về Đại Khá. Tháng ngày 30-4/75 Tướng tử lệnh Sư Đoàn, Chuẩn tướng Lê Nguyên Uy không muốn một Sĩ Quan nào đào ngũ để giữ vững tinh thần binh sĩ. Vì đeo đuổi lý tưởng chúng tôi hiến rõ thể nào khi MN bị rơi vào tay Cộng Sản nên toàn đại bộ phận Sĩ Quan Sư Đoàn bị giữ lại hết, vì chúng tôi đã chiến đấu đến cùng.

-2-
Cũng sáng ngày 30/4/75. Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 5 đi tù sát. Thân phận của chúng tôi việc sẽ đến là đi cải tạo tại các trại tập trung hết ba năm và quản chế tại địa phương một năm (giấy tờ có 06 tháng lại bị kéo dài ra một năm) và về quê sinh sống hoặc đi kinh tế mới không được ở Thành phố Hồ Chí Minh hoặc đi tới các nhà Cha mẹ ở Saigon và anh hướng chính trị. và làm việc gì hoặc ra chính quyền xin giấy tờ, với tôi cũng thấy trở ngại khó khăn.

Quốc ngày về Sư Đoàn 5 tôi cũng là một Thông Dịch Viên Quân Đội phục vụ ở Đại Đội 29 Dân Sự Vạ Hoa Kỳ và 1st Military Intelligence Battalion of 525th Military Group của Hoa Kỳ. (Xin xem mẫu ODP và Lá Thư xin định Cư gửi ODP office có đính kèm)

Sau ngày phóng thích tôi đã không may mắn vượt biên đến ba lần vì kỹ thuật yếu kém lúc đi nên tôi đã hoàn toàn thất bại.

Hiện nay hoàn cảnh tôi rất khó nhất là về tinh thần vì tôi phải đi làm rầy rẩy ở nhà quê nhưng luôn luôn hằng theo dõi tin tức qua đài, báo chí.

Kính mong Bà nghĩ đến giúp đỡ tôi trong hoàn cảnh hiện nay. Tiếng nói của Bà sẽ có hiệu quả tốt đến với phong ODP tại Bangkok và chính sách Hoa Kỳ. Hiện tại hiệp ước Việt-Mỹ do phụ tá Ngoại Trưởng Mỹ Funseth đã ký. Biết đến bác sĩ thường hợp chúng tôi trở thành hiến thực.

Bà nên hiểu rằng tuổi thanh xuân chúng tôi đã cống hiến vì lý tưởng tự do, đã là một người lính chiến đấu chúng tôi chỉ thấy có máu, mồ hôi và nước mắt. Ngày nay tuổi đời chồng chất, sức khỏe mỗi ngày yếu kém chúng tôi chỉ mong muốn chính sách hãy nghĩ đến những người

Khính mong Bà vẫn quý trọng đời bằng cách chuyển hóa
số, giới thiệu với kết quả tốt đẹp nhanh chóng và giới thiệu
dưới các chữ viết thể hiện hoặc các nhà báo thể ở Hoa Kỳ.
Khính mong Bà vẫn nhận được quý trọng nhiều sức
khỏe, mạnh mẽ trên đường phục vụ.

These papers are the property of the
 Library of Congress and are not to be
 removed from the building.

[illegible]

I think many of us are going to be very busy in the near future. I am sure that we will be able to do a great deal of good work for the Lord. I am sure that we will be able to do a great deal of good work for the Lord. I am sure that we will be able to do a great deal of good work for the Lord.



ID CARD

No. 456

CHUNG MINH THU

1. Trung-Si LUU-MINH-ANH

2. SN 69/112397

3. UNIT 29th Civ Affairs Co/KILLPM/VIET

Đoàn-vi tại doi 29 Phan-su-vu

4. POSITION Interpreter - Thong-Dich-Vien

Chức-vụ

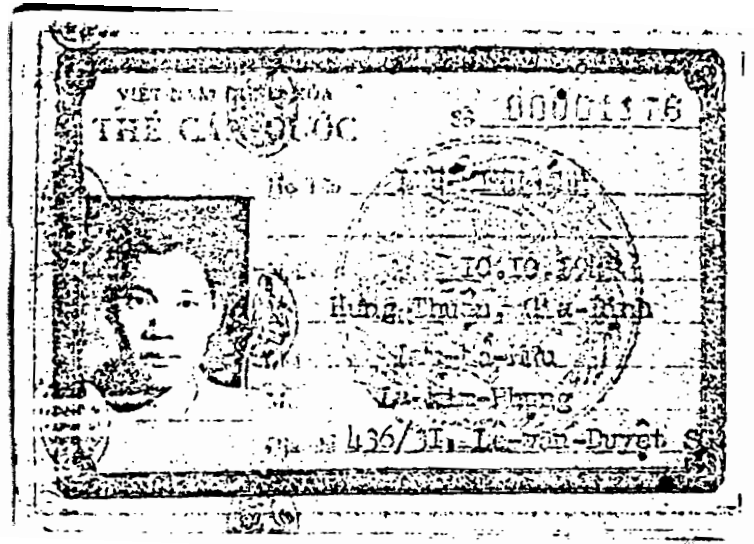
5. EXPIRATION DATE 31 Dec 1969

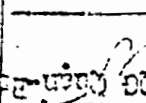
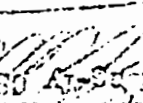
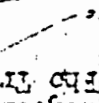
Ngày hết hiệu-lực

6. ISSUED BY: <i>[Signature]</i> THOMAS N. LYNCH 29th Civil Affairs Company APC 96337	6. GI-QUAN CẤP: Khố Liên-Lạc Đông-Minh Vùng 1 Chiến-Sự 
7. In accordance with Force Order #312.6A the bearer of this ID CARD is authorized to enter any IAF and Allied Forces Air Base or installation at any time of day or night.	7. Vì nhu-cầu liên-lạc và thông-dịch hành-quân, trên trong yêu cầu các cơ-quan hữu-tranh đến mọi địa điểm cho quân-nhân mang thẻ này. MI MAT 11-60

		ARVN INTERPRETER ID CARD	
SFC (TSI)		LUU-MINH-ANH	
2. S/N 69		69/142397	
3. UNIT Đơn vị		339th Sig Det - Khe Sanh - Quang Tri	
4. POSITION Chức vụ		Interpreter/Thông dịch viên	
5. EXPIRATION DATE Ngày hết hiệu lực		30 June 1972	

6. COUNTERSIGNED BY: Name: <i>William J. Sweeney</i> Rank: <i>CPT</i> Position: <i>Team Chief</i> Unit: <i>33rd Signal Det</i> Signature: <i>William J. Sweeney</i>	6. COUNTERSIGNED BY: ĐỒNG MINH VANG CHIEN THUAT Signature: <i>Tr/Ta HA-BA-CHING</i> Tr/Ta HA-BA-CHING
CARD NO. <i>312</i> 7. The bearer of this ID CARD is authorized to enter any Armed Forces Air Base or Installation to perform his assigned duty when authorized by the Installation Security Officer.	7. Viên như-đầu liên-lạc và thông-lịch thành-quốc, trên không, sự các các cơ-quan hữu-trách danh-mọi sự đề-dương cho quân-nhân mang thẻ này.



10-KH-1-170		10-KH-1-170	10-KH-1-170	10-KH-1-170	10-KH-1-170
10-KH-1-170		10-KH-1-170	10-KH-1-170	10-KH-1-170	10-KH-1-170
10-KH-1-170		10-KH-1-170	10-KH-1-170	10-KH-1-170	10-KH-1-170

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

CHỨNG-CHI TẠI NGŨ

Số: 305.199

Họ và Tên:

HUU - MINH - ANH

Cấp bậc:

Thiếu Úy

Số quân:

69/142.397

Đơn vị:

Đoàn 5 Vạn Lai

Quân khu 5 Vạn Lai

VAN LAI

Mẫu
01.10.74

00750 G/III

08.74.TTALAP.Q.273

(Thay thế mẫu 00730 B ng 01.10.72)

Hiệu lực căn	Hiệu lực căn	Hiệu lực đơn	Hiệu lực đơn
01-00-00			
Tên: PHAI		Ngày sinh: 10-10-1949 Nơi sinh: BÌNH GIANG - BÌNH Dân: THUẬN - THU Họ: TẠ - KIM - HIỆNG Địa chỉ hiện tại: 136-031 Chữ ký đương sự: <i>Chữ ký</i>	

BẰNG LÁI XE số: **DQ509242** ✓

1. Họ và Tên. LƯU MINH ANH

2

3. Ngày sinh: 10.10.1949

Nơi sinh: Gia Định

4. Địa-chỉ: 436/31 Lê Văn Duyệt Saigon

Quốc-tịch : VN Phái Nam

Chữ ký đương-sự



Có hiệu lực đến: 80

Glenn

'KE - HOACH

1. Важнейшие задачи

2



23.01.75

NG:TY(KHẢO-THI)

PHAM-VAN-F.

PERMIS DE CONDUIRE	DRIVING PERMIT
--------------------	----------------

Dấu	Loại xe	Ngày có hiệu-lực
☐	Máy dẫu 2 bánh	
☐	Ba bánh gắn máy	
☒	Du-lịch dẫn lái nhẹ	10.10.70✓
☒	Chuyên chở dưới 9 chỗ ngồi	10.10.70✓
☒	Kiểu trên 9 chỗ ngồi	10.10.70✓
☐	Chuyên chở trên 9 chỗ ngồi	
☐	Rơ-moóc trên 750 kg	
☐	Dành cho người tàn tật	

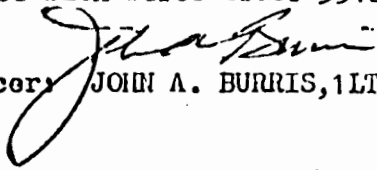
ĐỒI BẮN QUÂN SỰ

ĐỒI BẮN QUÂN SỰ

DEPARTMENT OF THE ARMY
8th Platoon, 29th Civil Affairs Company
APO San Francisco 96495

WORK PASS

LIU MINH ANH, SSG, 69/142397, is attached
to the 8th Platoon, 29th Civil Affairs Company.
He is authorized to enter Allied Forces bases or
installations while performing official duties
(in accordance with Force Order 5312.8A).

Issuing Officer:  JOHN A. BURRIS, 1LT, INF, PLT COMMANDER

DEPARTMENT OF THE ARMY
29th Civil Affairs Company
APO San Francisco 96349

10 September 1971

Detachment Commander
339 Signal Detachment
APO San Francisco 96308

1. With reference to your letter dated 28 August 1971, the recommendation for award of the Army Commendation Medal for SFC Lua Minh Anh was submitted to AG Personnel, XXIV Corps on 31 August 1970. While there is no one presently assigned to the admin section who was present at that time, this information was obtained from the awards register maintained by this unit.
2. A thorough check of the files maintained at this headquarters for a copy of this award recommendation had negative results. A check with AG Personnel, XXIV Corps also proved to be negative.
3. This unit has requested the 8th AA Platoon to check their files for a copy of this recommendation. If a copy is located, this unit will take immediate action to have this recommendation expeditiously processed and will so notify your unit.

RICHARD R. JORDAN
CPT, ADA
Adjutant

HEADQUARTERS
XXIV CORPS
I CORPS ARVN LIAISON OFFICE

27 November 1970

1568/KLL/DM/QK1

PQC

From: Senior ARVN Liaison Officer, XXIV Corps
To: SSG LUU-MINH-ANH, 69/142397, ARVN Interpreter

Info: Commanding Officer, 1st MIB, 525th MIG
AG, I Corps

Subj: ARVN Interpreter, assignment of

Ref: (a) AG, I Corps Transfer Order No. 16187/QDI/TQT/TDV
of 18 November 1970.

1. In accordance with reference (a) you are assigned to the 1st Military Intelligence Battalion, 525th Military Intelligence Group for duty as interpreter in replacement of SSG HO-VAN-TAN effective 30 November 1970.
2. All matters concerning your duties will be brought to the attention of the nearest ARVN Liaison Office.



HA-BA-CHUNG
Major ARVN

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH ĐÔNG HƯNG THUẬN

(Extrait du registre des actes de naissance)

Je soussigné Lưu bá Mưu

GIADINH

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

a reconnu le 10-10-1949 NĂM 1949

SỐ HIỆU 19

à Đông hưng thuận le né (Année)

(Acte No)

Lưu minh Ảnh
est nom propre
enfant et je
déclare sur mon
propre prénom.

Signé : Lưu bá Mưu

Tên, họ đứa con nít
(Nom et prénom de l'enfant)

Lưu minh Ảnh

Nam, nữ
(Sexe de l'enfant)

Masculin

Sanh ngày nào
(Date de naissance)

Le 10-10-1949

Sanh tại chỗ nào
(Lieu de naissance)

Đông hưng thuận

Tên, họ cha
(Nom et prénom du père)

Cha làm nghề gì
(Sa profession)

Nhà cửa ở đâu
(Son domicile)

Tên, họ mẹ
(Nom et prénom de la mère)

Mẹ làm nghề gì
(Sa profession)

Nhà cửa ở đâu
(Son domicile)

Vợ chánh hay thứ
(Son rang de femme)

La kim Phụng

Commerçante

Đông hưng thuận

Chúng tôi, BUI ĐÌNH TUYẾN, Chủ tịch
(Nous)

Chánh-Án Toà SAIGON Đ.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

TRẦN THỊ CANH
(M)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

SAIGON, ngày 6-12-1949

KT. CHÁNH LỤC-SỰ
(KẾ GÍ CHÁNH LỤC-SỰ)

SAIGON, ngày 6-12-1949

TUẦN CHÁNH-ÁN,
(KẾ GÍ CHÁNH-ÁN)

THAM PHÁN

Giá tiền: 58

(Cổn)

Biên-lai số: 13.348

(Quittance n°)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM BÌNH-DƯƠNG
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE H/4 ✓)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Xã Lộc-Ninh

Tỉnh Bình-Long

(NAM PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1953
(Année)

SỐ HIỆU 32
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-thị-Ty
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Girlle
Sanh ngày rằm (Date de naissance)	Vingt deux février mil neuf cent Cinquante trois.
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Locninh
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-văn-Mọi
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Aide surveillant
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Locninh
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Phạm-thị-Cót
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Ménagère
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Locninh
Vợ chánh hay thu (Don ou gendre de la mère)	-----

Tích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Bình-Dương, ngày 8-1- 1974

CHANH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)

Gia tiên : 15 3 00
(Cont)
Bích-Hà : 10
(Quittance)



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, khu phố Lộc Thảng
Huyện Lộc Ninh
THÀNH PHỐ Sông Bé
★

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NĂM 1982

Số 6161

BẢN SAO

Quyển số 02

GIẤY KHAI SINH

Họ tên	<u>Lưu Nguyễn Minh Trí</u>		Nam hay Nữ	<u>Nam</u>
Ngày, tháng năm sinh	<u>13 - 7 - 1982</u> (Ngày mười ba tháng bảy năm một chín tám hai)			
NƠI SINH	<u>tại nhà (Ấp 8, xã Lộc Thảng, Huyện Lộc Ninh)</u>			
PHẦN KHAI VỀ CHA MẸ	NGƯỜI CHA		NGƯỜI MẸ	
Họ, tên, tuổi	<u>Lưu Minh Ánh</u> <u>1949</u>		<u>Nguyễn Thị Bý</u> <u>1953</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Hình</u> <u>Việt Nam</u>		<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp, chỗ ở	<u>Lưu kây</u> <u>Ấp 8, xã Lộc Thảng</u>		<u>Chợ May</u> <u>Ấp 8, xã Lộc Thảng</u>	
Họ, tên, tuổi, chỗ ở nơi cấp, số và ngày cấp giấy chứng minh (nếu có) của người đứng khai	<u>Lưu Minh Ánh, sinh năm 1949</u> <u>Chứng minh số cũ tại số 259/QG</u>			

Người đứng khai
(Đã ký)

Đã ký ngày 17 tháng 9 năm 1982
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN xã

(Đã ký đóng dấu) PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Anh Đức

Ghi chú :
.....
.....
.....

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 5 năm 1987
PHÓ CHỦ TỊCH
M. ỦY BAN NHÂN DÂN xã



Lương Văn Căn

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã phường Lộc-Thống Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huyện, Quận Lộc-Ninh
Tỉnh, Thành phố Sông-Bè

TP/HT
Số 3777
Quyển 02

ĐÃ THU



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lưu-Nguyễn-Minh-Trần Nam hay Nữ nữ
Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười bảy, tháng sáu, năm một chín
tấn ba (17 - 6 - 1985)
Nơi sinh Bệnh viện
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt - Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn - Thị - Tý</u>	<u>Lưu - Minh - Ánh</u>
Tuổi	<u>sinh 1953</u>	<u>sinh 1949</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt - Nam</u>	<u>Việt - Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Thợ may</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>Ấp Xả Lộc-Thống,</u> <u>Tập thể Công xã Sông-Bè,</u>	<u>Ấp Phú-Lương, Sông-Phú</u> <u>Đan-Bình, Tỉnh Cửu Long</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn-Thị-Tý, sinh 1953

Giấy số: 210000000

Đăng ký ngày 10 tháng 10 năm 19 85

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

(Chữ) Nguyễn - Thị - Tý

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 24 tháng 10 năm 85

TẠI NƠI ĐÓNG DẤU

PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Văn Xuân

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã phường Lộc-Thắng Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huyện, Quận Lộc-Ninh
Tỉnh, Thành phố Sông-Bé

TP/HT
Số 5082
Quyển 03



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lưu - Nguyễn - Minh - Trung Nam hay Nữ nam
Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười sáu, tháng ba, năm một chín
tám bảy (16 - 3 - 1987)
Nơi sinh Ấp 8 Xã Lộc-Thắng, Lộc-Ninh, Sông-Bé
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt - Nam

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn - Thị - Tý</u>	<u>Lưu - Minh - Ánh</u>
Tuổi	<u>sinh 1953</u>	<u>10 - 10 - 1949</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt - Nam</u>	<u>Việt - Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Thợ may</u>	<u>Giáo viên</u>
Nơi thường trú	<u>Trường PT trung học, Ấp 8 Xã Lộc-Thắng</u>	<u>Lộc-Ninh.</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Lưu Minh Ánh, sinh 1949
Ấp 8 Xã Lộc-Thắng, Huyện Lộc-Ninh

Đăng ký ngày 17 tháng 4 năm 19 87

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

P. chủ tịch,

(Cã Ké) Lương-vào-Tân,

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 04 tháng 10 năm 89

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

CHỦ TỊCH



Lương Văn Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Lộc Thưởng

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận Lộc Ninh

Ngày

Tỉnh, Thành phố Sông Bé

Số 86

Quyển số 1

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Lưu Minh Anh

Nguyen Thi Bý

Bí danh

Sinh ngày tháng

10 - 10 - 1959

22 - 02 - 1953

năm hay tuổi

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Làm ruộng

Chợ may

Nơi đăng ký

Tổ 1 ấp 8 khu Long An

Tổ 1 ấp 8 xã Lộc Thưởng

nhân khẩu

Long An huyện Vạn An

Huyện Lộc Ninh

thường trú

Ấp 8 khu Long

Tỉnh Sông Bé

Số giấy chứng minh nhân dân: Li 8888 3

C.M.N.D số 280006039

hoặc hộ chiếu

Li 259 B.B. 14-16

Đăng ký ngày 20 tháng 01 năm 1979

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

Bà Lộc Thưởng

Lưu Minh Anh

Nguyen Thi Bý



Lưu Minh Anh, Nguyễn Thị Bý

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu	Chuyển đến Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu
Chuyển đến Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu	Chuyển đến Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	

MẪU SỐ NK4

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

SỐ :

Họ và tên chủ hộ:

Số nhà :

Ngõ (hẻm) :

Đường phố :

Đôn CĂN Đ:

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh :

Tỉnh, thành phố :

Ngày 11 tháng 10 năm 1983
 Phó Trưởng công an Huyện
 (Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhập khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
01	Nguyễn Thị Mỹ	1953	Nữ	Chủ hộ	Thợ May	88006039	5-1-79		
02	Lưu Nguyễn Minh Bửu	1982	Nam	Con	Cán Nôc		18-9-83		
03	Lưu Nguyễn Minh Bửu	17-5-83	Nữ	"	"		11-10-83		
04	Lưu Minh (Hinh)	1949	Nam	Chồng		33060677	16-10-84		J. <u>lưu</u>
05	Lưu Nguyễn Đình Trần	1984	Nam	Con	Cán Nôc		16-4-84		

Monday, 30th October 1989.

FROM : Mr. LUU MINH ANH

436/31 CMT8 STREET, QUAN BA
HO CHI MINH CITY, VIETNAM

TO : THE DIRECTOR OF THE ODP OFFICE

Mr. BRUCE A. BEARDSLEY
PANJABHUM BUILDING.
127 SOUTH SATHORN TAI ROAD
BANGKOK 10120 THAILAND.

SUBJECT : REQUEST FOR IMMGRATION INTO THE USA UNDER THE U.S ODP.

Dear Sir,

I undersigned LUU MINH ANH, DOB October 10, 1949 .
Place of birth : Dong Hung Thuan (V), Gia Dinh (P) Last rank
until april 30 1975 : Second Lieutenant .

Military Service Number : 69/142397.

Present Residence address :

Ap 8 (H), Loc Thang (V), Loc Ninh (D), Song Be (P) VIETNAM.

MAILING ADDRESS : (Please, send this Address. It's very important.

Mr. LUU MINH ANH .

436/31 CMT8, QUAN 3, HO CHI MINH CITY, VIETNAM.

Your outstanding dedication into humanitarian spirit has
been know as a fact and highly appreciated. Thanks to your help,
many friends of mine could join the Free world, some of them had
the Imigration Visa number (IV number) and LOI (letter of intro-
duction from the ODP office).

I was closely associated with the United stated So I am
respectfully asking your consideration and intervention with
benevolence : I also would like receive from you a great favor.
My application as follows :

1/. From December 1968 to December 1970 :

I was employed as An Army Republic Vietnam (ARVN) inter-
preter. Rank : Staff Sergeant (E-6).

Unit : attached to the US : 29th Civil affairs Company APO San Francisco 96337. The Company Headquarters located in the US Third Marines Amphibious Forces (US. III MAF) Headquarters.

As of 1970 It was renamed the US XXIV CORPS Headquarters after the US Marines Forces Withdrawal .

The 29th Civil Affairs Company mission mainly advised and carried out by G5 of the US Marines Amphibious Forces, XXIV CORPS, CORDS and Combined with Army Republic Vietnam (ARVN) I CORPS for the Civic Actions and the Pacification programs.

I was transferred to the following Civil affairs platoons of the US 29th Civil Affairs Company.

My main job : Translator and Interpreter between American Civil affairs officers and the Vietnamese people whom concerning the Civic Actions Programs.

a). 1st Civil Affairs platoon :

I Worked for 1st Civil Affairs platoon. My Supervisor : 1 st Lieutenant THOMPSON (platoon Commander) and 1st Lieutenant FURNER (Executive officer). This platoon attached to the US 3rd Marine Division (G5) located in Quang Tri Combat base.

b). 54th Affairs platoon :

I worked for CPT ELAHEE (platoon Commander), 1st Lieutenant KOEN (executive officer), Staff Sergeant RICE, SP4 MAC GOMAN, SP4 HARLEY .

54th Civil Affairs platoon was attached to the US 5th Mechanized Division (Symbolized Red Diamond), 1 st Brigade (It stationed in Landing zone (LZ) NANCY, MY CHANH Village, Quang tri province) . My primary duty : I translated the documents which concerning with North Vietnamese Army troops and the local guerrillas.

I sometimes worked for Major BENSON, Captain CUMMINGS, Sergeant First Class (SFC) PARKS whom served for S2 and S5 (1st Brigade) that Viet Communist POWs (Prisoner of welfare) were being investigated and arrested .

C/- 8th Civil affairs platoon :

This Unit was combined with the government Vietnamese Quang Tri province Headquarters, CORDS organization and Military Assistance Command in Vietnam (MACV). Advisory team 19. APO San Francisco 96495 .

I was being served for a long time this platoon. My 8th Civil Affairs platoon Commanders as follows : Captain TATE, Captain DONALD. CICATELLO, CPT CLAUDE. F. RAFFIN, CPT JOHN A. BURRIS (CPT BURRIS speaks the Vietnamese languages fluently).

The platoon established the survey teams for the pacification program requirements .

CPT HARVILLE, CPT GACY, 1st LT DILLINDER, 1st LT COTTY , 1st LT VISHNER, Master Sergeant (MSGT) DOREO TIMTIM, SP4 HEWES , SP4 COUCOULIS, SP4 HARRISON, PEC ORR and I Served the Survey teams We generally visited the hamlets, villages of DONG HA, CAM LO , GIO LING, HUONG HOA, HAI LANG, TRIEU PHONG in QUANG TRI province for the Civil affairs Programs.

Our platoon had the American Interpreters as follows : SFC BAUCUM, SFC RALP HALL, SP5 LANAHAN, SP4 MAY.

During that time, my Civil Affairs and I contacted with the chiefs of Quang Tri Public Education, Public Health, Public Social welfare, Vietnamese Information Service in order to make report concerning their problems .

I generally translated the Vietnamese letters of request for commodities, foodstuff (food for freedom), School -Kits and many problems of the Civic Actions.

2/. From December 1970 to December 1971 :

I assigned to the US 1st Military Intelligence Battalion (MIB) belong to the US 525th Military Intelligence group. After that I was assigned to the 339th Signal Detachment, 1st MIB in Hue City. My rank was promoted : sergeant first class (SFC) My team chief. Captain WILLIAM J. SWEENEY. Executive officer : Warrant officer BENNET. APO. San Francisco 96308.

My job : translated the intelligence Documents Interpreted between Army Republic of Vietnam (ARVN) 101st Intelligence group, 65th Military Intelligence team and the US 339th Signal Detachment .

3.- From December 1972 to April 30. 1975 Events :

I was trained in the Thu Duc Infantry officer School. I was graduated : Aspirant .

Transferred to ARVN 5th Transportation Company belonged to ARVN 5th Infantry Division. KBC 4031 My last rank was promoted: 2nd Lieutenant Position : Platoon leader.

4.- From April 1975 to April 1978 :

I spent three years in jail. I was jailed in the following political re-education camps : TRANG KON (Tay Ninh province) , PHU QUOC island, LONG GIAO (DONG NAI province), BUI GIA PHUC Camp 3136/K3 (SONG BE province).

5.- From April 1978 to 1989 :

I was unauthorized to live in HO CHI MINH City, before I was being released out of the re-education camps.

I would like to depart from Vietnam to come to the United States in order to pursue my freedom ideal and seek a living in peace. So I am making this application with many political reasons as follows :

- I spent three years in jail because I worked for the U.S military Units and a loyal soldier to the South Vietnamese regime. My past situation was being evaluated 'puppet officer' Viet Communist generally says 'puppet' such as enemies to them. Therefore they marked the bad classification to me.

- The Viet communist authority always have been bothering and harrassing for many times in my living. I have been in the countryside. It is a problem with many privations in suffering since 1980. I have known Vietnam war ended 14 years ago but still under the influence of my low spirit in mind is continuously stretching for many years I am reduced to an extreme of living and political illtreatment if I have no relief from the anti. Communist associations in the United States .

(U) QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV. _____

Date : MONDAY, 'OCTOBER 09th 1989.

Fill out this questionnaire in English as Completely as possible. If you can not read or write in English Fill it out Vietnamese.

Mail or send the Completed
Questionnaire TO :
THE DIRECTOR OF THE ODR
OFFICE.

Mr. BRUCE A. BEARDSLEY
127 PANJABHUM BUILDING
SOUTH ASTHORN, TAI ROAD
BANGKOK 10120 - THAILAND.

A/. BASIC IDENTIFICATION :

1. Full name : LIU MINH ANH
(surname)(middle) (given name)
2. Other name : none.
3. Date, place of birth : October, 10th 1949
in Song Hung Thuan (Village), Gia Dinh (Province)
4. Residence Address : Ap 8 (Hamlet) , Loc Thang (Village)
Loc Ninh (District), Song Be (Province) - VIETNAM.
5. Mailing address : (Send this address. Please. It's Important)
Mr. LIU MINH ANH
436/31 CMT8 , QUAN BA , HOCHIMINH CITY - VIETNAM
6. Current Occupation : English teacher and Peper gardener.

B/. RELATIVE TO ACCOMPANY :

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : married (M), Divorced (D), Widow (W), or single (S).

FULL NAME	: DATE OF BIRTH :	POB	:SEX:MS:	RELATIONSHIP
1. NGUYEN THI TY	: FEB 22 1953 :	Loc Ninh:	F : M:	Spouse
2. LUU NGUYEN MINH TRI	: JULY 13 1982 :	"	: M : S:	Son
3. LUU NGUYEN MINH TRAN	: JUNE 17 1983 :	"	: F : S::	Daughter
4. LUU NGUYEN MINH TRUNG	: MARCH 16 1987 :	"	: M : S:	Son

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married) divorces decrees (if divorced) Spouses death certificate (if widowed) identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please not their addresses in Section I Below).

C/. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :

- 1.- Closest Relative in the U.S : none
 - a. Name :
 - b. Relationship :
 - c. Address :
 - d. Date of relatives arrival :
- 2.- Closest relative in other Foreign Countries : None
 - a. Name :
 - b. Relationship :
 - c. Address :

D/. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD).

- 1.- Father : LƯU BA MƯU
- 2.- Mother : LA KIM PHUNG
 Address : 436/31 CMT8, QUAN BA , HO CHI MINH CITY.
- 3.- Spouse : NGUYEN THI TY
- 4.- Former spouse (If any) : none
- 5.- Children :
 1. LƯU NGUYEN MINH TRI
 2. LƯU NGUYEN MINH TRAN
 3. LƯU NGUYEN MINH TRUNG Address : Ap 8, (H) , Loc Thang (V) , Loc Ninh (D), Song Be (P)
- 6.- Siblings :
 1. LƯU MINH THUY
 2. LƯU THI MINH YEN Address : 436/31 CMT8, QUAN BA , HO CHI MINH CITY.

E/. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION OF
YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Employment name : LUU MINH ANH
2. Position title : Interpreter
3. Agency / Company / Office : I assigned to the following platoons.
 - a. 1st Civil Affairs Platoon : was attached to G5, The US 3rd Marines Division, located in Quang Tri Combat base.
 - b. 8th Civil Affairs platoon : was attached to Quang Tri Province Headquarters, Military assistance Advisory in Vietnam (MACV) team 19, Combined with CORDS .
 - c. 54th Civil affairs Platoon : Was attached to S5, First Brigad the US 5th Mechanized Infantry Division.

These platoons were belonged to the US 29th Civil affairs Company APO San Francisco 96337, 96349.

- d. 339 th Signal Detachment : was belonged to the US 1st Military Intelligence Battalion, the U.S 525th Military Intelligence group APO San Francisco 96308

4.- Length of Employment :

From Dec 1968 to Junne 1972

5.- Name of American Supervisors :

- a. 1st Civil Affairs platoon :
 - 1 st Lieutenant THOMPSON (Platoon commander)
 - 1 st Lieutenant FURNER (Executive officer).
- b. 8th Civil affairs platoon : (Located in Quang Tri Province Headquarters) Advised Quang Tri province for the civil Action program and the pacification program.
 - Captain TATE
 - CPT DONALD CICATELLO
 - CPT CLAUDE RAFFIN
 - CPT JOHN A. BURRIS

{ Platoon commders.
- c. 54th civil Affairs platoon : (located in Landing zone NANCY, Quang Tri province). The platoon worked for S-5, 1st Brigade, 5th Mechanized Infantry Division.

d. 339th Signal Detachment : (belong to the U.S 1st Military Intelligence Battalion , 525th Military Intelligence Group).

- CPT WILLIAM J. SWEENEY (339th - Signal team leader).

- Warrant officer : BENNET.

6.- Reason for Separation :

Attended to 1/72 officer training Course for Basic Infantry at THU DUC Infantry officer School.

F/- SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person serving : LUU MINH ANH

2. Dates : From 1972 to April 1975

3. Last rank : Second Lieutenant

Military service number : 69/142397

4. Ministry/office/Military Unit.

5th Transportation Company, Army Republic Vietnam

(ARVN) 5th Infantry Division. KBC 4031

5. Name of supervisor / CO

CPT NGUYEN VAN DIEN

6. Reason for leaving : April 30 1975 Events .

7. Name of American Advisor ;

8. US Training Courses in Vietnam.

8/68 English language training Course. Trained at the Armed Forces Languages School for Interpreter .

9. US awards or Certificates :

The recommendation for award of the USA Army Commendation Medal for Sergeant First Class LUU MINH ANH was submitted to AG Personnel, XXIV CORPS on 31 August 1970 By CPT JOHN A. BURRIS and Re. Written CPT SWEENEY.

NOTE : Please attach any copies of Diplomas awards for Certificates. If available ? Yes X.

G/- TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of Student / Trainee
2. School and School Address :
3. Date from to
4. Description of Courses :
5. Who paid for training.

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available)
yes ____ No ____

H/- RE - EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person in Re - education : LDU MINH ANH
2. Total time in Re - education : Yes ____ No ____

If released, we must have a copy of your release certificate)

The release certificate was lost when I tried to escape by boat for leaving outside Vietnam. However I still remember It was numbered 259/4-16 issued on April 1978 by 3rd Division, Maritial Law Bureau, Ministry of Defense of socialist Republic Vietnam according to 131 decision order of Interior Ministry.

I was prisoned in the last re-education camp which named 3136/K1 SONG BE (PHUOC LONG).

I/- ANY ADDITIONAL REMARKS :

I have undergone much suffering to my serious life for a long time that. I have not been quite here because I worked for the U.S military units with previous close association and loyal to the South Vietnamese regime. In the hard condition of my situation with many reasons could prevent me to contact directly with representatives of the U.S ODP.

I hope to believe that the US government and the US policy never forget the servicemen who fight for freedom ideal and anti Communist, still stay in Vietnam.

../6...

Monday, October 09th 1989.



LUU MINH ANH

Former 2 LT Interpreter and Prisoner.

J/- PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

- A copy of the birth certificate and photo of each person.
- A copy of the marriage certificate.
- A copy of mine pre-1975 Vietnamese ID card
- And other concerned documents.

Hoàng Văn Phát
7 Place de Gest (appt 01)
10.000 Troyes
FRANCE



MRS. KHUC MINH THO

PO BOX 5435

ARLINGTON, VA 22.205-0635

U.S.A



NOV 21 1989

C O N T R O L

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

12/10/89
12/10/89
12/10/89